DẠNG 1: DISCUSSION (THẢO LUẬN)

In recent years, ... (chủ đề) .... has become a broad issue to the general public. Some people believe that... (quan điểm 1) .... However, others think that .... (quan điểm 2).... In my opinion, I agree with the (former/later) idea. Discussed below are several reasons supporting my perspective.

- Trong những năm gần đây, ... (chủ đề) .... đã trở thành một vấn đề rộng rãi đối với công chúng. Một số người tin rằng... (quan điểm 1) .... Tuy nhiên, những người khác nghĩ rằng .... (quan điểm 2).... Theo tôi, tôi đồng ý với ý kiến ​​(trước/sau). Thảo luận dưới đây là một số lý do hỗ trợ quan điểm của tôi.

* (cách 1 dòng)

First and foremost, people should recognize that (quan điểm 1). A very important point to consider is that…. (lí do 1)… This means that. (giải thích 1)… To illustrate this point, I would like to mention that. ...(ví dụ 1)… Another point I would like to make is that….(lí do 2) …This is because of the fact that ….(giải thích 2)… For example, (ví dụ 2)…

On the other hand, there are several arguments in support of the idea that….(quan điểm 2)… It is also convincing to realize that....(lí do)… This means that ...(giải thích)… A specific example of this is that…(ví dụ)…

Trước hết, mọi người nên nhận ra điều đó (quan điểm 1). Một điểm rất quan trọng cần xem xét là…. (lí do 1)… Điều này có nghĩa là. (giải thích 1)… Để minh họa điểm này, tôi muốn đề cập đến điều đó. ...(ví dụ 1)… Một điểm khác mà tôi muốn nói là….(ví dụ 2) …Điều này là do thực tế là ….(giải thích 2)… Ví dụ, (ví dụ 2)…

Mặt khác, có một số lập luận ủng hộ ý kiến ​​rằng….(quan điểm 2)… Cũng rất thuyết phục khi nhận ra rằng....(lí do)… Điều này có nghĩa là ...(giải thích)… Một ví dụ cụ thể về điều này là…(ví dụ)…

* (cách 1 dòng)

In conclusion, the above mentioned facts have created a dilemma when people evaluate the impact of this issue, and it is still a controversial issue. As far as I am concerned, I put more highlight on the idea that....People should have further consideration on this issue.

Tóm lại, những sự thật được đề cập ở trên đã tạo ra một tình thế tiến thoái lưỡng nan khi mọi người đánh giá tác động của vấn đề này, và nó vẫn là một vấn đề gây tranh cãi. Theo như tôi được biết, tôi nhấn mạnh hơn về ý tưởng rằng.... Mọi người nên cân nhắc thêm về vấn đề này.

DẠNG 2: AGREE - DISAGREE (ĐỒNG Ý - KHÔNG ĐỒNG Ý)

In recent years, .....(chủ đề).... has become a broad issue to the general public. Some people believe that....(quan điểm).... In my opinion, I partly agree with idea. Discussed below are several reasons in favor of my perspectives.

Trong những năm gần đây,.....(chủ đề).... đã trở thành một vấn đề rộng rãi đối với công chúng. Một số người cho rằng....(quan điểm).... Theo tôi, tôi phần nào đồng ý với ý kiến ​​trên. Thảo luận dưới đây là một số lý do có lợi cho quan điểm của tôi.

* (cách 1 dòng).

First and foremost, people should recognize that… (quan điểm)…. A very important point consider is that… (lí do)…. This means that (giải thích 1). To illustrate this point, I would like to mention that...(ví dụ 1)... Another point would like to make is that… (lí do 2)... This is because of fact that… (giải thích 2)… For example,… (ví dụ 2)…

On the other hand, there are several arguments against the statement that (quan điểm). In fact, people have this opinion because… (lí do không đồng ý 1)… This mean that …(giải thích cho quan điểm không đồng ý).... This can be shown by the example that… (ví dụ)...

Trước hết, mọi người nên nhận ra rằng… (quan điểm)…. Một điểm rất quan trọng cần cân nhắc là… (lí do)…. Điều này có nghĩa là (giải thích 1). Để minh họa điểm này, tôi muốn đề cập rằng...(ví dụ 1)... Một điểm nữa tôi muốn nói là... (ví dụ 2)... Điều này là do thực tế là... (giải thích 2) )… Ví dụ,… (ví dụ 2)…

Mặt khác, có một số lập luận chống lại tuyên bố rằng (quan điểm). Trên thực tế, mọi người có ý kiến ​​này bởi vì… (lí do không đồng ý 1)… Điều này có nghĩa là …(giải thích cho quan điểm không đồng ý).... Điều này có thể được thể hiện bằng ví dụ that …(ví dụ)..

* (cách 1 dòng)

In conclusion, the above mentioned facts have created a dilemma when people evaluate the impact of this issue, and it is still a controversial issue. As far as I am concerned, it could have both positive and negative impacts. People should have further consideration on this issue.

Tóm lại, những sự thật được đề cập ở trên đã tạo ra một tình thế tiến thoái lưỡng nan khi mọi người đánh giá tác động của vấn đề này, và nó vẫn là một vấn đề gây tranh cãi. Theo như tôi được biết, nó có thể có cả tác động tích cực và tiêu cực. Mọi người nên có sự cân nhắc hơn nữa về vấn đề này.

DẠNG 3: ADVANTAGES -DISADVANTAGES (THUẬN LỢI – BẤT LỢI)

In recent years,… (chủ đề)… has become a broad issue to the general public. Some people believe the issue that… (chủ đề)… has many advantages. However, others think that it could also have some negative effects. In my opinion, its cons could never overshadow its pros. Discussed below are several benefits as well as drawbacks of this issue.

Trong những năm gần đây,… (chủ đề)… đã trở thành một vấn đề rộng rãi đối với công chúng. Một số người tin rằng vấn đề mà… (chủ đề)… có nhiều ưu điểm. Tuy nhiên, những người khác nghĩ rằng nó cũng có thể có một số tác động tiêu cực. Theo tôi, nhược điểm của nó không bao giờ có thể làm lu mờ ưu điểm của nó. Thảo luận dưới đây là một số lợi ích cũng như hạn chế của vấn đề này.

* (cách 1 dòng)

First and foremost, people should recognize that there are many advantages of… (chủ đề). ..A very important point to consider is that… (thuận lợi 1)… This means that …(giải thích cho thuận lợi 1)… To illustrate this point, I would like to mention that …(ví dụ 1)...Another point I would like to make is that… (thuận lợi 2)… This is because of the fact that …(giải thích 2)… For example, (ví dụ 2)…

On the other hand, in addition to the important advantages of this problem, it has some disadvantages. In fact, people have this opinion because …(bất lợi)… This means that …(giải thích)... This can be shown by example that (ví dụ)…

Trước hết, mọi người nên nhận ra rằng có rất nhiều ưu điểm của… (chủ đề). ..Một điểm rất quan trọng cần xem xét là… (thuận lợi 1)… Điều này có nghĩa là …(giải thích cho thuận lợi 1)… Để minh họa cho điểm này, tôi muốn đề cập rằng …(ví dụ 1)... Một điểm khác tôi muốn nói là… (thuận lợi 2)… Điều này là do thực tế là …(giải thích 2)… Ví dụ, (ví dụ 2)…

Mặt khác, bên cạnh những ưu điểm quan trọng của vấn đề này, nó có một số nhược điểm. Trên thực tế, mọi người có ý kiến ​​này bởi vì …(bất lợi)… Điều này có nghĩa là …(giải thích)... Điều này có thể được chỉ ra bằng ví dụ rằng (ví dụ)…

* (cách 1 dòng)

In conclusion, the above mentioned facts have outlined the benefits as well as the drawbacks of this issue. Its disadvantages should be taken into account. People should take advantages of the pros and minimize the cons of this issue.

Tóm lại, những sự kiện được đề cập ở trên đã vạch ra những lợi ích cũng như những hạn chế của vấn đề này. Nhược điểm của nó nên được đưa vào tài khoản. Mọi người nên tận dụng những ưu điểm và giảm thiểu những nhược điểm của vấn đề này.

DẠNG 4: CAUSES - EFFECTS (NGUYÊN NHÂN - HẬU QUẢ)

In recent years, …(chủ đề) has become a broad issue to the general public. Although noticeable, the impact of this issue has not been realized by many residents. Discussed below are several causes as well as effects of this issue.

Trong những năm gần đây, …(chủ đề) đã trở thành một vấn đề rộng rãi đối với công chúng. Mặc dù đáng chú ý, tác động của vấn đề này đã không được nhiều cư dân nhận ra. Thảo luận dưới đây là một số nguyên nhân cũng như ảnh hưởng của vấn đề này.

* (cách 1 dòng).

First and foremost, people should recognize that there are several main reasons supporting the idea that …(quan điểm)… A very important point to consider is that …(nguyên nhân 1)…. This means that… (giải thích cho nguyên nhân 1)…. To illustrate this point, I would like to mention that …(ví dụ 1)… Another point I would like to make is that …(nguyên nhân 2)… This is because of the fact that… (giải thích 2)… For example, …(ví dụ 2)….

There are many serious effects of this issue. One primary effect would be that …(hậu quả 1)…. In addition, …(hậu quả 2)…

Trước hết, mọi người nên nhận ra rằng có một số lý do chính hỗ trợ cho ý kiến ​​rằng …(quan điểm)… Một điểm rất quan trọng cần xem xét là …(nguyên nhân 1)…. Điều này có nghĩa là… (giải thích cho nguyên nhân 1)…. Để minh họa điểm này, tôi muốn đề cập rằng …(ví dụ 1)… Một điểm khác mà tôi muốn đưa ra là …(nguyên nhân 2)… Điều này là do thực tế là… (giải thích 2)… Ví dụ , …(ví dụ 2)….

Có rất nhiều ảnh hưởng nghiêm trọng của vấn đề này. Một tác động chính sẽ là …(hậu quả 1)…. Ngoài ra, …(hậu quả 2)…

* (cách 1 dòng).

In conclusion, the above- mentioned facts have outlined the reasons as well as the measures of this issue. Its cause and effects should be taken into account. People should have further consideration on this issue.

Tóm lại, những thực tế nêu trên đã nêu lên nguyên nhân cũng như biện pháp giải quyết vấn đề này. Nguyên nhân và hậu quả của nó nên được tính đến. Mọi người nên có sự cân nhắc hơn nữa về vấn đề này.

DẠNG 5: CAUSES- SOLUTIONS (NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP)

In recent years, …(chủ đề)… has become a broad issue to the general public. Although noticeable, the impact of this issue has not been realized by many residents. Discussed below are several causes as well as solutions of this issue.

Trong những năm gần đây, …(chủ đề)… đã trở thành một vấn đề rộng rãi đối với công chúng. Mặc dù đáng chú ý, tác động của vấn đề này đã không được nhiều cư dân nhận ra. Thảo luận dưới đây là một số nguyên nhân cũng như giải pháp của vấn đề này.

* (cách 1 dòng)

First and foremost, people should recognize that there are several main reasons supporting the idea that… (quan điểm)… A very important point to consider is that …(nguyên nhân 1)…. This means that… (giải thích cho nguyên nhân 1)…. To illustrate this point, I would be like to mention that …(ví dụ)…. Another point I would like to make is that …(nguyên nhân 2)….This is because of the fact that …(giải thích 2)…For example, …(ví dụ 2)…

In other to resolve such problems, people should take some concerted …(phối hợp)… measures. One primary solution would be that …(giải pháp 1)…. In addition, …(giải pháp 2)…. However, education is the main way to tackle this issue. People need to be aware of the effects so that they can avoid this problem.

Đầu tiên và quan trọng nhất, mọi người nên nhận ra rằng có một số lý do chính hỗ trợ cho ý kiến ​​rằng… (quan điểm)… Một điểm rất quan trọng cần xem xét là …(nguyên nhân 1)…. Điều này có nghĩa là… (giải thích cho nguyên nhân 1)…. Để minh họa điểm này, tôi muốn đề cập rằng …(ví dụ)…. Một điểm khác mà tôi muốn nói là …(nguyên nhân 2)….Điều này là do …(giải thích 2)…Ví dụ, …(ví dụ 2)…

Mặt khác, để giải quyết những vấn đề như vậy, mọi người nên thực hiện một số biện pháp …(phối hợp)… phối hợp. Một giải pháp chính sẽ là …(giải pháp 1)…. Ngoài ra, …(giải pháp 2)…. Tuy nhiên, giáo dục là cách chính để giải quyết vấn đề này. Mọi người cần phải nhận thức được những ảnh hưởng để họ có thể tránh được vấn đề này.

* (cách 1 dòng)

In conclusion, the above- mentioned facts have outlined the reasons as well as the measures of this issue. The presented suggestions would be very good steps towards solving them. People should have further consideration on this issue.

Tóm lại, những thực tế nêu trên đã nêu lên nguyên nhân cũng như biện pháp giải quyết vấn đề này. Các đề xuất được trình bày sẽ là những bước rất tốt để giải quyết chúng. Mọi người nên có sự cân nhắc hơn nữa về vấn đề này.